

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ny: 24 - 11 - 2023

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Vi Ngọc Trung

2. Bà: Hà Thị Yên

- Thư ký toà án ghi biên bản: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Ny 24 tháng 11 N 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2023/TLST- HNGĐ, Ny 04/10/2023 về việc “Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ Ny 03/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Lộc Thị T, sinh Ny 11/11/1981.

Bị đơn: Anh Ngân Văn N, sinh Ny 03/02/1979

Đều có địa chỉ: bản N, xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hòa giải và đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Lộc Thị T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Ngân Văn N tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương N 1998, không đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng cùng chung sống hòa thuận tại bản N, xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa. Đến khoảng N 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không thông cảm được cho nhau trong cuộc sống, mặc dù đã được gia đình nội, ngoại dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Cuối N 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, giữa hai người không tìm được tiến nói chung nên anh chị sống ly thân từ đó đến nay

không còn quan tâm đến nhau.

Từ khi sống ly thân, kinh tế vợ chồng độc lập. Bản thân chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên muốn được ly hôn. Hiện tại chị hoàn toàn khỏe mạnh, không ốm đau, không bệnh hiểm nghèo, không có thai nghén.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau có hai con chung, tên các cháu là Ngân Thị C, sinh Ny 08/03/1998 và cháu Ngân Văn H, sinh Ny 14/09/2002. Cháu C đã xây dựng gia đình riêng, cháu H đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và biết tự lao động kiếm sống nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Ngoài 02 con chung kể trên không ai có con riêng.

Về Tài sản chung, nợ nần chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu nộp toàn bộ án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai; biên bản hòa giải và đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Ngân Văn N trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị T về sống chung với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; anh đồng ý như lời trình bày của chị T về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, là do anh nóng tính nên mỗi khi uống rượu say anh có đánh chị nhưng khi tỉnh rượu anh không làm gì, cũng nhiều lần chị đã bỏ qua cho anh, nay chị muốn ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì thấy đang còn tình cảm vợ chồng với chị, anh hứa sẽ thay đổi tính nết, không đánh chị nữa. Anh cam đoan, ngoài con chung kể trên, không có con riêng nào. Hiện tại sức khỏe anh rất tốt, không ốm đau, không có bệnh hiểm nghèo.

Về con chung: Anh đồng ý chị như T trình bày, hai con đã lớn, cháu C đã có gia đình riêng, cháu Kiên đã trên 18 tuổi và biết tự lao động kiếm tiền nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản, nợ nần chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh nhất trí ý kiến của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, chị Lộc Thị T và anh Ngân Văn N đều có địa chỉ tại: bản N, xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa, nên Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “*Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Lộc Thị T là nguyên đơn và anh Ngân Văn N là bị đơn.

[3]. Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ghi lời khai; xác minh tình trạng hôn nhân thực tế; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên tòa, anh Ngân Văn N và chị Lộc Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Về nội dung:

4.1. Về Hôn nhân: Chị Lộc Thị T và anh Ngân Văn N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào N 1998, theo phong tục tập quán địa phương, đến nay đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo luật định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình N 2014 thì “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước Ny Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa Anh N và chị T là N 1998 thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình N 1986 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc chị T và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ N 1998, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình N 1986;

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 Ny 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ Ny 03/01/1987 đến Ny 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai N, kể từ Ny luật này có hiệu lực cho đến Ny 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình N 2000 để giải quyết. Từ sau Ny 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”.

Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình N 2000 quy định: “*Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định... Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý. Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng*”.

Vì vậy, Chị Lộc Thị T và anh Ngân Văn N phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc. Hơn nữa, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình N 2014, thì tại khoản 1 Điều 14 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.....*”. Khoản 2 Điều 53 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....*”

Do vậy, quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Lộc Thị T và anh Ngân Văn N phải được giải quyết bằng bản án, tuyên chị T và anh N không phải là vợ chồng.

4.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, anh chị có hai con chung, tên các cháu là Ngân Thị C, sinh Ny 08/03/1998 và cháu Ngân Văn H, sinh Ny 14/09/2002. Cháu C đã xây dựng gia đình riêng, cháu H đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và biết tự lao động kiếm sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Vì vậy HĐXX không xem xét.

4.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lộc Thị T phải nộp án phí HN&GD sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị Các đương sự có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 48; Điều 68; Khoản 4 Điều 147; Điều 273; Điều 278 của BLTTDS N 2015;

Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình N 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình N 2000; Điều 9; Điều 14; Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình N 2014.

Điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ný 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ný 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lộc Thị T và anh Ngân Văn N là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lộc Thị T phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào khoản tiền chị đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0012923, Ný 04/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã thi hành xong tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ný, kể từ Ný nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nam Tiến, H. Quan Hóa;
- Chi cục THSDS huyện Quan Hóa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Ngọc Trung

Hà Thị Yến

Ngô Thị Thanh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nam Tiến, H. Quan Hóa;
- Chi cục THSDS huyện Quan Hóa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Ngọc Trung

Hà Thị Yến

Ngô Thị Thanh